

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CHHĐTVN-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v lập kế hoạch nhu cầu và dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải, công trình ĐTNĐ quốc gia năm 2026.

Kính gửi:

- Các Sở Xây dựng: Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế;
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I, IV;
- Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, phía Nam;
- Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;
- Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- Các Phòng: Kết cấu hạ tầng, Kế hoạch - Tài chính, Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng): số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/7/2022 quy định về bảo trì công trình hàng hải; số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 quy định về quản lý bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; số 43/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Nhằm thực hiện công tác xây dựng kế hoạch nhu cầu, dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải, công trình đường thủy nội địa quốc gia năm 2026 trình Bộ Xây dựng theo đúng quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (Cục HHĐTVN) đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện một số nội dung sau:

I. Lập kế hoạch nhu cầu, dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải năm 2026:

1. Giao các Cảng vụ Hàng hải căn cứ phạm vi vùng nước, khu nước được giao quản lý có trách nhiệm:

- Thống kê số lượng hàng hóa, lượt tàu thông qua cảng 03 năm gần đây theo bảng dưới đây như sau:

Năm thống kê	Lượng hàng hóa thông qua (Tr. Tấn)	Tổng số lượt tàu ra vào (lượt)	Tàu lớn nhất (DWT) ra vào	Kích thước Tàu lớn nhất (DWT) ra vào	Số thu phí hàng hải (Triệu đồng)
2022					
2023					
2024					

- Đề xuất tuyến luồng cần nạo vét, thời điểm thi công nạo vét hợp lý để phù hợp với điều kiện thời tiết và bảo đảm thời gian duy trì độ sâu tuyến luồng sau nạo vét:

+ Các luồng lựa chọn nạo vét duy tu tập trung ưu tiên cho các tuyến luồng có mật độ, lưu lượng tàu lớn, mức độ sa bồi lớn; phạm vi tác động, ảnh hưởng lớn; thuận lợi trong việc thực hiện công tác môi trường, đổ thải chất nạo vét;

+ Về chuẩn tắc luồng đề nghị nạo vét: trên cơ sở tổng hợp số lượt, kích thước tàu tính toán trong năm tới, tính toán, đề xuất chuẩn tắc đề nghị nạo vét duy tu tuyến luồng để đảm bảo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tìm kiếm các địa điểm, khu vực có thể tiếp nhận chất nạo vét (bao gồm: ngoài biển và trên bờ). Báo cáo kịp thời khi tìm được địa điểm, khu vực có thể tiếp nhận chất nạo vét có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định để Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm việc với cấp có thẩm quyền để được chấp thuận.

2. Đề nghị Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam căn cứ nhiệm vụ được giao về quản lý vận hành và khảo sát phục vụ thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải để thực hiện:

- Tổng hợp diễn biến sa bồi các tuyến luồng trên cơ sở số liệu đo đạc khảo sát thông báo hàng hải 03 năm gần đây (từ năm 2023 đến năm 2025), đề xuất các tuyến luồng cần nạo vét trong năm 2026 và dự kiến khối lượng phải nạo vét của từng tuyến luồng;

- Đối với kết cấu hạ tầng hàng hải khác thuộc phạm vi được giao quản lý (hệ thống đê kè bảo vệ luồng hàng hải): tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, sự cần thiết, lập biên bản kiểm tra, dự kiến khối lượng và kinh phí sửa chữa bảo trì để làm cơ sở lập kế hoạch bảo trì năm 2026.

3. Giao các phòng Kết cấu hạ tầng, Khoa học - Công nghệ và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, rà soát, đề xuất danh mục các công trình hàng hải cần thiết thực hiện bảo trì trong năm 2026.

II. Lập kế hoạch nhu cầu và dự kiến kinh phí bảo trì công trình đường thủy nội địa năm 2026:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đề nghị các đơn vị căn cứ hiện trạng các tuyến luồng được giao quản lý, các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo trì công trình ĐTNĐ quốc gia để tổ chức xây dựng, lập kế hoạch nhu cầu quản lý bảo trì công trình ĐTNĐ năm 2026 đảm bảo các nội dung sau:

1. Biểu mẫu xây dựng kế hoạch nhu cầu: Theo phụ lục I Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ Xây dựng.

2. Xây dựng nhu cầu bảo trì công trình ĐTNĐ dựa trên việc tổng hợp và thẩm định các số liệu, báo cáo, phản ánh đúng yêu cầu thực tế và hiện trạng công trình ĐTNĐ, phù hợp với quy trình bảo trì công trình theo nội dung công việc bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất thiên tai và công tác khác.

Việc tổng hợp kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình đường thủy nội địa với nguyên tắc xác định thứ tự ưu tiên như sau: (1) Công tác bảo dưỡng thường xuyên (2) Công trình nạo vét đảm bảo giao thông, thanh thải vật chướng ngại trên luồng và hành lang bảo vệ luồng (3) Sửa chữa công trình kè chỉnh trị, nhà trạm quản lý đường thủy nội địa, sửa chữa, thay thế, bổ sung báo hiệu đường thủy nội địa,... theo quy định về quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (4) Các công tác khác như khảo sát định kỳ phục vụ quản lý và thông báo luồng. Đồng thời ưu tiên thực hiện cho các công trình, hạng mục công trình trên các hành lang vận tải, tuyến vận tải chính, các luồng có mật độ phương tiện lớn. Đặc biệt, đối với công tác nạo vét đảm bảo giao thông, thanh thải vật chướng ngại cần lưu ý:

- Sự cần thiết, mục tiêu nạo vét, thanh thải: hiện trạng luồng tuyến, khu vực khan cạn; lưu lượng phương tiện thủy nội địa tại khu vực; trọng tải phương tiện thủy phổ biến hoạt động trên tuyến;
- Địa điểm nạo vét, thanh thải (tuyến luồng; lý trình; sông, kênh);
- Chuẩn tắc nạo vét, thanh thải; dự kiến kinh phí thực hiện;
- Khả năng bảo đảm các yếu tố về đổ thải chất nạo vét, chất thanh thải; sơ bộ địa chất chủ yếu khu vực nạo vét, thanh thải;
- Mức độ ưu tiên thực hiện: được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trên các hành lang vận tải, tuyến vận tải thủy chính, mật độ phương tiện thủy lớn và việc nạo vét, thanh thải đảm bảo thông suốt được tuyến vận tải thủy.
- Hình thức thực hiện: đề xuất thực hiện hình thức nạo vét bằng ngân sách nhà nước hoặc nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm.

3. Kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình ĐTNĐ phải nêu được đầy đủ: Tên công trình (hoặc hạng mục công trình), đơn vị, khối lượng, chi phí thực hiện, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, mức độ ưu tiên và thuyết minh sự cần thiết phải thực hiện. (Kèm theo biên bản kiểm tra, khảo sát tình trạng kỹ thuật, khối lượng cần thay thế và sửa chữa của từng công trình có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền).

Tổng hợp, xây dựng tổng thể nhu cầu thực tế, phân kỳ thực hiện cụ thể.

4. Hồ sơ trình kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình ĐTNĐ năm 2026 bao gồm:

- Tờ trình xây dựng kế hoạch của đơn vị kèm theo bảng tổng hợp chi tiết, thuyết minh, biểu mẫu theo quy định.
- Hồ sơ kèm theo Tờ trình:

+ 01 bộ hồ sơ phương án, khái toán chi tiết, đóng thành quyển của từng công trình: gồm khái toán khối lượng, kinh phí thực hiện; thuyết minh cơ sở, sự cần thiết thực hiện; biên bản kiểm tra hiện trạng.

+ 01 bộ biên bản kiểm tra hiện trạng đóng rời.

5. Giao các phòng tham mưu:

- Phòng Kết cấu hạ tầng rà soát số liệu khảo sát thông báo luồng hàng năm và tình hình về lưu lượng vận tải để tổng hợp, đề xuất các đoạn luồng (tuyến) không đảm bảo chuẩn tắc luồng làm căn cứ xây dựng kế hoạch nạo vét đảm bảo giao thông và thanh thải vật chướng ngại trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia trong năm 2026.

- Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với phòng Kết cấu hạ tầng và các đơn vị có liên quan rà soát lại hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn các công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; kịp thời đề xuất xây dựng sửa đổi bổ sung những quy định còn thiếu và chưa phù hợp với thực tế; rà soát, đánh giá hệ thống báo hiệu trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia để có báo cáo, đề xuất tổng thể công tác thay thế, bổ sung, thu hồi báo hiệu,...; xây dựng lộ trình thực hiện theo từng năm đảm bảo hiệu quả.

Đề nghị các đơn vị và các phòng tham mưu căn cứ yêu cầu khẩn trương triển khai thực hiện. Hồ sơ xây dựng kế hoạch nhu cầu (bao gồm bản cứng và file mềm) gửi về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (qua phòng Kế hoạch - Tài chính và địa chỉ email: dthanhvan87@gmail.com) trước ngày 30/4/2025 để tổng hợp; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, danh mục các công trình đề nghị thực hiện năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu VT, KHTC. (03b)

CỤC TRƯỞNG

Lê Đỗ Mười

Phụ lục
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐTNĐ QUỐC GIA NĂM 2026
 (Kèm theo Văn bản số /CHHĐTVN-KHTC ngày /4/2025 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí dự kiến (1.000đ)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
I	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN								
I.1	Quản lý, bảo trì luồng ĐTNĐ quốc gia	km							
	<i>Tuyến sông 1ⁱ</i>								
	<i>Tuyến sông 2</i>								
I.2	Quản lý vận hành và bảo trì âu tàu								
II	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ								
II.1	Nạo vét đảm bảo giao thông	m ³						- Vị trí đoạn cạn, cấp kỹ thuật tuyến sông, lưu lượng vận tải, trọng tải phương tiện trung bình qua khu vực - Thông số kỹ thuật đoạn cạn. - Bình đồ khảo sát định kỳ thông báo luồng. - Biên bản kiểm tra hiện trạng/số liệu đo đạc sơ khảo bãi cạn ngày...	
	<i>Tuyến sông (đoạn cạn từ km ... đến km)</i>								
II.2	Thanh thải VCN							- Vị trí vật chướng ngại, đã thanh thải...; tình trạng hư hỏng; xác nhận vật vô chủ (đối với một số loại vật chướng ngại) - Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày...	
II.3	Sửa chữa kè							- Vị trí kè, đã sửa chữa năm...; tình trạng hư hỏng; - Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày...	
II.4	Sửa chữa báo hiệu								
	<i>Tuyến sông ...</i>	<i>BH</i>	<i>Cột,</i>					<i>- BH được trang bị năm...; đã sửa chữa</i>	

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí dự kiến (1.000đ)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
			<i>biển</i>					<i>năm...; tình trạng hư hỏng hiện nay</i> <i>- Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày...</i>	
II.5	Bổ sung, thay thế báo hiệu								
	Tuyến sông ... + Bổ sung + Thay thế	BH BH BH	Cột, biển Cột, biển Cột, biển					- Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày... - Căn cứ bổ sung - BH được trang bị năm...; đã sửa chữa năm...; tình trạng hư hỏng; niên hạn sử dụng?	
II.6	Bổ sung, thay thế đèn báo hiệu								
	Tuyến sông ...	Đèn						- Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày...	
	+ Bổ sung	Đèn						- Căn cứ bổ sung	
	+ Thay thế	Đèn						- BH được trang bị năm...; đã sửa chữa năm...; tình trạng hư hỏng; niên hạn sử dụng?	
II.7	Sửa chữa bến thủy chí								
II.8	Sửa chữa Nhà trạm								
	Nhà trạm...	Trạm						- Năm xây dựng; hiện trạng hư hỏng - Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày...	
III	SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT THIÊN TAI								
	<i>Tuyến sông ... (Do ảnh hưởng của mưa bão ngày....)</i>							- Biên bản kiểm tra xác nhận thiệt hại ngày...	
	<i>Tuyến sông ... (Do ảnh hưởng của sự cố bất thường ngày....)</i>							- Biên bản kiểm tra xác nhận thiệt hại ngày...	
IV	CÔNG TÁC KHÁC								
IV.1	Khảo sát định kỳ phục vụ quản lý và thông báo luồng	Km							

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí dự kiến (1.000đ)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
	<i>Tuyến sông ...</i>							Đã khảo sát năm	
	<i>Tuyến sông ...</i>								
IV.2	Lập, điều chỉnh quy trình và định mức quản lý, khai thác, bảo trì								
IV.3	Kiểm định, quan trắc, đánh giá an toàn								
IV.4	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật								
IV.5	Ứng dụng công nghệ phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bảo trì và khai thác giao thông ĐTNĐ								
Tổng cộng									

ⁱ: **Lưu ý:** Danh mục các hạng mục/công trình phải gắn liền với tuyến ĐTNĐ quốc gia quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải.